



Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025**



Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

4200239089

Ngày 25 tháng 1 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4200239089 ngày 2 tháng 9 năm 2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trung
Ông Đỗ Thành Liêm
Ông Đỗ Tuấn Anh
Bà Hà Thị Diệu Thu
Ông Lê Đức Thọ

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Bà Tạ Hạnh Liên
Ông Nguyễn Đức Ân
Ông Trần Văn Hiếu

Ông Trương Anh Vũ

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)
Thành viên
(đến ngày 5 tháng 6 năm 2025)

Ban Giám đốc

Ông Dương Quốc Thái

Ông Nguyễn Trung

Tổng Giám đốc
(từ ngày 11 tháng 8 năm 2025)
Tổng Giám đốc
(đến ngày 10 tháng 8 năm 2025)

Trụ sở đăng ký

Thôn Thủy Xương
Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đương Quốc Thái
Tổng Giám đốc

Nguyễn Trung
Chủ tịch

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

089
TY
AN
NG
AM
KHÁ

04
NH
T
PI
T



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00445-26-1



Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026



Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND Điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.082.581.156.490	1.260.057.441.905
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	74.166.156.843	66.654.430.261
Tiền	111		74.166.156.843	66.654.430.261
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		346.270.426.747	385.165.005.473
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	151.368.517.490	162.088.895.832
Trả trước cho người bán	132	7	93.679.989.834	147.918.191.129
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	101.642.799.593	80.962.954.106
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(420.880.170)	(5.805.035.594)
Hàng tồn kho	140	10	632.021.032.194	772.234.584.443
Hàng tồn kho	141		674.494.600.983	799.458.082.892
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(42.473.568.789)	(27.223.498.449)
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.123.540.706	36.003.421.728
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	27.140.614.768	25.951.788.275
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.962.469.042	10.051.633.453
Thuế phải thu Nhà nước	153		1.020.456.896	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND Điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		462.822.820.621	537.970.610.971
Các khoản phải thu dài hạn	210		12.250.000	11.250.000
Phải thu dài hạn khác	216		12.250.000	11.250.000
Tài sản cố định	220		450.004.693.268	523.667.162.110
Tài sản cố định hữu hình	221	11	448.282.360.711	521.918.229.553
Nguyên giá	222		2.486.142.601.423	2.481.865.204.203
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.037.860.240.712)	(1.959.946.974.650)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.722.332.557	1.748.932.557
Nguyên giá	228		1.793.265.890	1.793.265.890
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(70.933.333)	(44.333.333)
Bất động sản đầu tư	230	13	116.786.757	272.502.433
Nguyên giá	231		3.979.612.455	3.979.612.455
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.862.825.698)	(3.707.110.022)
Tài sản dở dang dài hạn	240		853.990.071	3.647.182.349
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	853.990.071	3.647.182.349
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	-	400.821.659
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.688.700.000	1.688.700.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.688.700.000)	(1.287.878.341)
Tài sản dài hạn khác	260		11.835.100.525	9.971.692.420
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	9.839.274.465	7.975.866.360
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	1.995.826.060	1.995.826.060
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.545.403.977.111	1.798.028.052.876

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND Điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		524.020.099.135	750.441.199.128
Nợ ngắn hạn	310		524.020.099.135	750.441.199.128
Phải trả người bán	311	17	82.439.321.739	118.970.331.837
Người mua trả tiền trước	312	18	1.953.968.249	11.948.316.866
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	821.268.881	6.105.396.835
Phải trả người lao động	314		7.249.717.369	6.601.544.916
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	1.889.252.305	1.960.166.297
Phải trả ngắn hạn khác	319		3.607.750.767	7.372.720.717
Vay ngắn hạn	320	21	420.793.498.260	587.715.602.250
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	5.265.321.565	9.767.119.410
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.021.383.877.976	1.047.586.853.748
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.021.383.877.976	1.047.586.853.748
Vốn cổ phần	411	24	120.306.180.000	120.306.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	762.277.142.625	762.277.142.625
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	138.800.555.351	165.003.531.123
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		133.423.158.871	83.110.017.791
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.377.396.480	81.893.513.332
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.545.403.977.111	1.798.028.052.876

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Tạ Thị Ngọc Trâm
 Phụ trách Kế toán

Người duyệt:

Dương Quốc Thái
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Trung
 Chủ tịch



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2025 VND	2024 VND Điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	16.324.105.782	113.574.730.152
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	78.095.581.738	79.938.013.544
Các khoản dự phòng	03	15.626.365.705	11.149.732.889
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	421.771.370	680.018.704
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(154.493.035)	(1.266.252.133)
Chi phí lãi vay	06	16.100.110.369	15.510.919.957
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	126.413.441.929	219.587.163.113
Biến động các khoản phải thu	09	46.549.904.502	(55.608.526.274)
Biến động hàng tồn kho	10	124.963.481.909	(125.966.741.969)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(48.921.745.586)	(215.510.813.363)
Biến động chi phí trả trước	12	(3.052.234.598)	(11.174.179.407)
		245.952.848.156	(188.673.097.900)
Tiền lãi vay đã trả	14	(15.530.390.635)	(15.324.724.555)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.769.960.333)	(9.660.658.447)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.767.654.010)	(5.633.755.870)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	213.884.843.178	(219.292.236.772)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.472.385.112)	(4.368.433.347)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	611.857.964	3.728.323.603
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.860.527.148)	(640.109.744)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2025 VND	2024 VND Điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	954.786.853.629	1.125.065.647.095
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.121.708.957.619)	(885.469.551.345)
Tiền trả cổ tức	36	(37.595.681.252)	(10.526.790.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(204.517.785.242)	229.069.305.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	7.506.530.788	9.136.958.484
Tiền đầu năm	60	66.654.430.261	57.558.385.870
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61	5.195.794	(40.914.093)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	74.166.156.843	66.654.430.261

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Tạ Thị Ngọc Trâm
 Phụ trách Kế toán

Người duyệt:





Dương Quốc Thái
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Trung
 Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Ngày 31 tháng 10 năm 2017, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam mua 65% vốn chủ sở hữu và trở thành công ty mẹ của Công ty.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất đường và các sản phẩm phụ;
- sản xuất phân bón từ chất thải hữu cơ;
- trồng cây mía; nhân giống và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- bán buôn xăng, dầu, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thiết bị nhà máy đường; nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ ngành cơ khí chế tạo sản xuất đường và thực phẩm;
- chế tạo thiết bị nhà máy đường; lắp đặt dây chuyền thiết bị nhà máy đường;
- sản xuất điện và bán điện lên lưới điện quốc gia;
- khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- vận tải hàng hóa bằng ô tô khác (trừ ô tô chuyên dụng);
- nghiên cứu đầu tư phát triển vùng mía;
- kinh doanh các sản phẩm đường; và
- kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Trụ sở đăng ký – Thôn Thủy Xương, Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa
- Nhà Máy Đường Việt Nam – Thôn Tân Quý, Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 450 nhân viên (1/1/2025: 448 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Trừ thay đổi chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3(j)(i) và Thuyết minh số 36, những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

4200
CÔNG
CỔ
ĐƯỜNG
VIỆT
NAM
HỢP
HỆP

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	4 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất lâu dài được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ quyền sử dụng đất	13 năm
▪ nhà cửa	13 năm

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí sửa chữa trước mùa vụ sản xuất

Trong các năm tài chính trước, Công ty đã trích trước một số khoản chi phí dự kiến phát sinh trong giai đoạn không sản xuất. Các khoản chi phí này bao gồm chi phí nhân công thực hiện công tác bảo dưỡng máy móc (“chi phí sửa chữa trước mùa vụ sản xuất”), được ước tính và phân bổ vào giá thành sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa liền kề trước đó.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty đã thay đổi hạch toán kế toán, theo đó ghi nhận các chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất đường trước mùa vụ sản xuất này như là chi phí trả trước ngắn hạn, và sẽ phân bổ vào giá thành sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất tiếp theo.

Ban Giám đốc cho rằng các chi phí nhân công thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất đường phát sinh trong giai đoạn không sản xuất có vai trò duy trì hoạt động liên tục của tài sản trong suốt mùa vụ sản xuất tiếp theo. Do Công ty không có nghĩa vụ phát sinh các chi phí này sau khi kết thúc một mùa vụ sản xuất, nên không cần thiết phải ghi nhận dự phòng trước. Vì vậy, Công ty tin rằng hạch toán kế toán mới cung cấp thông tin đáng tin cậy và phù hợp hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán đối với báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được trình bày tại Thuyết minh số 36.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.



Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập 10% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Việc sử dụng và quản lý quỹ này phải được thực hiện theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	199.314.261	136.067.992
Tiền gửi ngân hàng	73.966.842.582	66.518.362.269
	74.166.156.843	66.654.430.261

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Đầu tư tài chính dài hạn

	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	31/12/2025		Dự phòng VND
		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Bờ giống Miền Trung	7,20%	1.688.700.000	(*)	1.688.700.000

	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	1/1/2025		Dự phòng VND
		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Bờ giống Miền Trung	7,20%	1.688.700.000	(*)	1.287.878.341

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Cuộc Sống Việt	111.543.055.545	138.799.998.678
Công ty Mua bán Điện	35.902.260.423	19.113.792.051
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	420.104.880	1.038.240.000
Các khách hàng khác	3.503.096.642	3.136.865.103
	151.368.517.490	162.088.895.832

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – công ty mẹ	420.104.880	1.038.240.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Bò Sữa Việt Nam	1.727.490.600	1.032.172.000

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**Trả trước cho người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Cuộc Sống Việt	91.011.600.000	146.354.040.000
Các nhà cung cấp khác	2.668.389.834	1.564.151.129

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Khoản ứng trước cho nông dân	100.233.678.024	79.277.560.959
Phải thu ngắn hạn khác	1.409.121.569	1.685.393.147

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Dự phòng cho các khoản phải thu khác đã quá hạn tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nông dân	291.120.770	291.120.770	-
Khác	129.759.400	129.759.400	-
	420.880.170	420.880.170	-

	1/1/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nông dân	4.162.923.367	4.162.923.367	-
Khác	1.642.112.227	1.642.112.227	-
	5.805.035.594	5.805.035.594	-

Công ty dùng tính lãi với khoản nợ khó đòi của hộ nông dân.

Biến động của dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	5.805.035.594	4.251.872.040
Trích lập dự phòng trong năm	-	1.553.345.453
Sử dụng dự phòng trong năm	(5.359.629.130)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(24.526.294)	(181.899)
Số dư cuối năm	420.880.170	5.805.035.594

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Điều chỉnh lại	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	33.380.990	-	-	-
Nguyên vật liệu	409.153.135.124	(33.695.801.878)	459.096.164.151	(27.223.498.449)
Công cụ và dụng cụ	112.556.373	-	382.631.048	-
Thành phẩm	264.860.050.079	(8.694.890.190)	339.979.287.693	-
Hàng hóa	335.478.417	(82.876.721)	-	-
	<u>674.494.600.983</u>	<u>(42.473.568.789)</u>	<u>799.458.082.892</u>	<u>(27.223.498.449)</u>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	27.223.498.449	31.189.570.419
Trích lập dự phòng trong năm	18.964.515.914	9.979.130.300
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.714.445.574)	(382.560.965)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(13.562.641.305)
Số dư cuối năm	<u>42.473.568.789</u>	<u>27.223.498.449</u>

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	844.186.923.451	1.607.270.641.555	18.917.899.383	11.489.739.814	2.481.865.204.203
Tăng trong năm	-	676.456.481	-	166.400.000	842.856.481
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	3.434.540.739	-	-	3.434.540.739
Số dư cuối năm	844.186.923.451	1.611.381.638.775	18.917.899.383	11.656.139.814	2.486.142.601.423
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	642.213.541.362	1.296.031.354.567	13.331.644.575	8.370.434.146	1.959.946.974.650
Khấu hao trong năm	17.795.178.641	58.262.636.725	899.946.639	955.504.057	77.913.266.062
Số dư cuối năm	660.008.720.003	1.354.293.991.292	14.231.591.214	9.325.938.203	2.037.860.240.712
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	201.973.382.089	311.239.286.988	5.586.254.808	3.119.305.668	521.918.229.553
Số dư cuối năm	184.178.203.448	257.087.647.483	4.686.308.169	2.330.201.611	448.282.360.711

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 891 tỷ VND (1/1/2025: 844 tỷ VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	1.527.265.890	266.000.000	1.793.265.890
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	44.333.333	44.333.333
Khấu hao trong năm	-	26.600.000	26.600.000
Số dư cuối năm	-	70.933.333	70.933.333
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.527.265.890	221.666.667	1.748.932.557
Số dư cuối năm	1.527.265.890	195.066.667	1.722.332.557

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	937.505.205	3.042.107.250	3.979.612.455
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	811.302.585	2.895.807.437	3.707.110.022
Khấu hao trong năm	72.115.783	83.599.893	155.715.676
Số dư cuối năm	883.418.368	2.979.407.330	3.862.825.698
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	126.202.620	146.299.813	272.502.433
Số dư cuối năm	54.086.837	62.699.920	116.786.757

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê có thể khác với giá trị ghi sổ.

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	3.647.182.349	443.529.002
Tăng trong năm	641.348.461	3.203.653.347
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(3.434.540.739)	-
Số dư cuối năm	853.990.071	3.647.182.349

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cải tạo nôi hơi	-	3.434.540.739
Khác	853.990.071	212.641.610
	<hr/>	<hr/>
	853.990.071	3.647.182.349

15. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND Điều chỉnh lại
Chi phí sửa chữa lớn trước vụ sản xuất – chi phí công cụ dụng cụ và máy móc	17.199.515.429	16.129.311.321
Chi phí sửa chữa lớn trước vụ sản xuất – chi phí nhân công	7.320.038.246	4.992.048.441
Chi phí vật tư cấp cho nông dân trước mùa vụ tiếp theo	1.154.072.335	2.195.502.542
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.466.988.758	2.634.925.971
	<hr/>	<hr/>
	27.140.614.768	25.951.788.275

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	7.975.866.360
Tăng trong năm	7.604.687.386
Phân bổ trong năm	(5.741.279.281)
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.839.274.465

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	1.995.826.060	1.995.826.060

17. Phải trả người bán**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Vilitas Thái Bình	27.278.856.000	35.205.258.375
Công ty TNHH Phương Huy Linh	18.431.398.800	-
Guangzhou Guangzhong Enterprise Group Corporation	13.207.538.218	13.207.538.218
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	5.286.600.000	43.823.761.125
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Cuộc Sống Việt	-	7.268.940.000
Các nhà cung cấp khác	18.234.928.721	19.464.834.119
	82.439.321.739	118.970.331.837

18. Người mua trả tiền trước

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Phương Huy Linh	1.950.000.000	9.082.920.000
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – công ty mẹ	-	2.863.137.003
Các khách hàng khác	3.968.249	2.259.863
	1.953.968.249	11.948.316.866

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/Cán trừ VND	Phân loại lại VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	178.436.070.655	(178.436.070.655)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	117.655.090	(117.655.090)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.083.959.300	3.665.544.137	(10.769.960.333)	1.020.456.896	-
Thuế thu nhập cá nhân	21.437.535	1.957.416.752	(1.632.605.406)	-	346.248.881
Thuế khác	-	1.703.779.885	(1.228.759.885)	-	475.020.000
	6.105.396.835	185.880.466.519	(192.185.051.369)	1.020.456.896	821.268.881



Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí lãi vay	1.793.252.301	1.223.532.567
Các chi phí khác	96.000.004	736.633.730
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	1.889.252.305	1.960.166.297

21. Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2025 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	587.715.602.250	954.786.853.629	(1.121.708.957.619)	420.793.498.260
	<hr/> <hr/>			

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam	VND	292.567.281.210	306.533.598.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	128.226.217.050	281.182.004.250
		<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
		420.793.498.260	587.715.602.250

Các khoản vay này được cam kết hỗ trợ tài chính bởi Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – công ty mẹ.

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	9.767.119.410	5.894.302.450
Trích lập trong năm	1.265.856.165	9.506.572.830
Sử dụng trong năm	(5.767.654.010)	(5.633.755.870)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.265.321.565	9.767.119.410

00236
ÔNG
Ồ PH
ƯỜI
ỆT N
EP - T.

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 (Theo báo cáo trước đây)	120.306.180.000	762.277.142.625	84.355.567.434	966.938.890.059
Điều chỉnh (Thuyết minh số 36)	-	-	4.769.759.357	4.769.759.357
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 (Điều chỉnh lại)	120.306.180.000	762.277.142.625	89.125.326.791	971.708.649.416
Lợi nhuận thuần trong năm (Theo báo cáo trước đây)	-	-	96.824.493.776	96.824.493.776
Điều chỉnh (Thuyết minh số 36)	-	-	(912.925.864)	(912.925.864)
Lợi nhuận thuần trong năm (Điều chỉnh lại)	-	-	95.911.567.912	95.911.567.912
Chia cổ tức (*)	-	-	(10.526.790.750)	(10.526.790.750)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.506.572.830)	(9.506.572.830)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 (Điều chỉnh lại)	120.306.180.000	762.277.142.625	165.003.531.123	1.047.586.853.748
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	12.658.561.645	12.658.561.645
Chia cổ tức (*)	-	-	(37.595.681.252)	(37.595.681.252)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.265.856.165)	(1.265.856.165)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	120.306.180.000	762.277.142.625	138.800.555.351	1.021.383.877.976

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Vào ngày 24 tháng 12 năm 2025 và ngày 6 tháng 6 năm 2025, Đại Hội đồng Cổ đông đã lần lượt quyết định tạm ứng cổ tức năm 2025 với tổng số tiền là 6.015 triệu VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu) và chi trả cổ tức còn lại năm 2024 với tổng số tiền là 31.580 triệu VND (tương đương 2.625 VND/cổ phiếu) (2024: tạm ứng cổ tức năm 2024 với số tiền là 4.511 triệu VND (tương đương 375 VND/cổ phiếu) và chi trả cổ tức còn lại của năm 2023 với số tiền là 6.015 triệu VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu)).

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	12.030.618	120.306.180.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.030.618	120.306.180.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.030.618	120.306.180.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	981.293.580	1.150.116.240
Từ hai đến năm năm	3.916.114.507	3.864.153.587
Từ năm năm trở lên	16.538.483.177	17.287.929.180
	21.435.891.264	22.302.199.007

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	685.818.000	1.287.258.000
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	51.423.491.604	70.798.535.347
	52.109.309.604	72.085.793.347

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
▪ USD	591	15.595.665	15.844	400.084.924
▪ EUR	90	2.857.976	101	2.635.883
		18.453.641		402.720.807

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2025	2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán thành phẩm	1.567.461.253.933	1.318.721.295.000
▪ Doanh thu bán hàng hóa	1.076.404.412.660	1.774.233.170.486
▪ Doanh thu khác	128.654.170.773	111.950.756.958
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	2.772.519.837.366	3.204.905.222.444
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2025	2024
	VND	VND
		Điều chỉnh lại
Tổng giá vốn		
▪ Thành phẩm đã bán	1.484.713.013.906	1.151.408.664.948
▪ Hàng hóa đã bán	1.074.949.813.360	1.790.742.489.031
▪ Khác	117.242.457.195	96.389.187.971
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15.250.070.340	(1.779.236.665)
	<hr/>	<hr/>
	2.692.155.354.801	3.036.761.105.285
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025	2024
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	669.438.568	704.040.088
Lãi tiền gửi	154.493.035	538.482.243
Chiết khấu thanh toán	55.167.588	271.383.122
Lãi từ ứng trước tiền cho nông dân	-	727.769.890
	<hr/>	<hr/>
	879.099.191	2.241.675.343
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	16.100.110.369	15.510.919.957
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.309.870	11.449.546
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	421.771.370	680.018.704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	400.821.659	-
	<hr/>	<hr/>
	16.932.013.268	16.202.388.207

30. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	2.585.056.339	1.605.792.188
Chi phí vận chuyển	1.481.123.000	1.429.272.400
Chi phí vật liệu và bao bì	231.068.403	136.173.137
Chi phí bán hàng khác	405.148.565	273.571.374
	<hr/>	<hr/>
	4.702.396.307	3.444.809.099

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	23.561.606.338	19.001.877.627
Chi phí khấu hao	2.402.423.186	2.409.923.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.144.607.190	7.091.246.973
Chi phí dự phòng	(24.526.294)	1.553.163.554
Chi phí quản lý khác	9.472.536.918	7.741.634.748
	<hr/>	<hr/>
	45.556.647.338	37.797.846.088

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND Điều chỉnh lại
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.377.969.210.997	1.308.578.836.865
Chi phí hàng hóa thương mại	1.074.949.813.360	1.790.742.489.031
Chi phí nhân công và nhân viên	71.551.714.495	71.615.375.483
Chi phí khấu hao	78.095.581.738	79.938.013.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.708.386.799	45.418.332.820
Chi phí khác	11.008.960.483	7.640.427.180

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	3.665.544.137	18.361.225.664
Chi phí thuế thu nhập hiện hành liên quan đến thu nhập chịu thuế của năm trước	-	1.297.762.636
	3.665.544.137	19.658.988.300
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	(1.995.826.060)
	3.665.544.137	17.663.162.240

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2025 VND	2024 VND Điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.324.105.782	113.574.730.152
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.303.344.897	15.429.295.517
Chi phí không được khấu trừ thuế	491.266.915	936.104.087
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.870.932.325	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành liên quan đến thu nhập chịu thuế của năm trước	-	1.297.762.636
	3.665.544.137	17.663.162.240

(c) Thuế suất áp dụng

Trong năm, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất bình quân 13,02% (2024: 16,04%). Trong đó, hoạt động kinh doanh sản phẩm từ mía với lợi nhuận tính thuế là 19.614.762.597 VND chịu thuế suất 10% (2024: 74.682.356.856 VND), các hoạt động kinh doanh còn lại với lợi nhuận tính thuế là 8.520.339.389 VND chịu thuế suất 20% (2024: 39.805.299.151 VND).

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam		
Bán hàng hóa	1.834.891.622	18.619.355.000
Mua hàng hóa	2.784.411.340	-
Bán dịch vụ	16.281.000.000	-
Cổ tức	24.437.193.750	-
Hỗ trợ bán hàng	308.684.658	-
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bò Sữa Việt Nam		
Bán hàng hóa	-	10.535.821.899
Bán công cụ dụng cụ	3.874.844.000	-

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***Thù lao và lương của thành viên quản lý chủ chốt**

	2025 VND	2024 VND
Tổng thù lao Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Trung – Chủ tịch	180.000.000	225.000.000
Ông Đỗ Thành Liêm – Thành viên	120.000.000	150.000.000
Ông Đỗ Tuấn Anh – Thành viên	120.000.000	150.000.000
Bà Hà Thị Diệu Thu – Thành viên	120.000.000	135.000.000
Ông Lê Đức Thọ – Thành viên	70.000.000	-
Ông Trần Chí Sơn – Thành viên	-	58.000.000
Tổng Giám đốc		
Ông Dương Quốc Thái (từ ngày 11 tháng 8 năm 2025)	554.514.989	-
Ông Lê Quang Thông (đến ngày 31 tháng 12 năm 2024)	-	1.052.423.701

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2025 VND	2024 VND
Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình Công ty mua nhưng chưa thanh toán	13.207.538.218	14.195.718.388

36. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh dưới đây, thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2025, Ban Giám đốc Công ty thay đổi hạch toán chi phí nhân công thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất đường để duy trì hoạt động liên tục của tài sản trong mùa vụ sản xuất tiếp theo như trình bày trong thuyết minh số 3(j), theo đó các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với hạch toán kế toán của kỳ hiện tại.

Ngoài ra, trong quá trình lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ban Giám đốc Công ty cũng đã phát hiện sai sót trong việc ghi nhận chi phí lương của nhân công trực tiếp ngoài vụ mùa sản xuất mà đã không tham gia các hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất đường vào giá thành hàng tồn kho và quyết định điều chỉnh thông tin so sánh để sửa chữa các sai sót này.

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2025 Theo báo cáo trước đây VND	Số điều chỉnh VND	1/1/2025 Điều chỉnh lại VND
Hàng tồn kho	800.593.297.840	(1.135.214.948)	799.458.082.892
Chi phí trả trước ngắn hạn	20.959.739.834	4.992.048.441	25.951.788.275
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	161.146.697.630	3.856.833.493	165.003.531.123

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

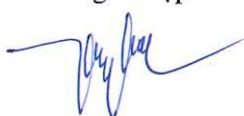
	Năm kết thúc ngày 31/12/2024		
	Theo báo cáo trước đây VND	Số điều chỉnh VND	Điều chỉnh lại VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	3.035.848.179.421	912.925.864	3.036.761.105.285

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm kết thúc ngày 31/12/2024		
	Theo báo cáo trước đây VND	Số điều chỉnh VND	Điều chỉnh lại VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	114.487.656.016	(912.925.864)	113.574.730.152
Biến động hàng tồn kho	(127.101.956.917)	1.135.214.948	(125.966.741.969)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	(215.288.524.279)	(222.289.084)	(215.510.813.363)

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Tạ Thị Ngọc Trâm
 Phụ trách Kế toán

Người duyệt:




Dương Quốc Thái
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Trung
 Chủ tịch

